

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

V/v tranh chấp về HN&GD ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

Ông Nguyễn Văn Vệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 132/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị B, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 266, Tổ 5, ấp Tân Hùng, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thanh Tr, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số 266, Tổ 5, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị B có mặt tại phiên tòa; anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2021, biên bản hòa giải ngày 07/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tr chung sống từ năm 1997, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng năm

2018 chị và anh Tr phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh Tr không còn chung sống đến nay.

Nay, chị B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị và anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 15/6/2013, hiện con chung đang sống với anh Tr, chị B đồng ý giao cháu M cho anh Tr nuôi dưỡng, chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Đối với Nguyễn Thị Kim Th đã trưởng thành và có công việc nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị và anh Tr không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Tr không có nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ý kiến và biên bản hòa giải ngày 07/5/2021 anh Nguyễn Thanh Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B chung sống từ năm 1997, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng năm 2018 giữa anh và chị B có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng chị B tự ý bỏ nhà đi đến nay, chị B không quan tâm đến gia đình và các con.

Nay, chị B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh Tr đồng ý theo yêu cầu của chị B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa anh và chị B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 15/6/2013, hiện con chung đang sống với anh Tr, anh Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con, đồng ý nhận phần tiền cấp dưỡng nuôi con của chị B.

Cháu Kim Th đã trưởng thành và có công việc nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Anh và chị B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Anh và chị B không có nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Trà M có nguyện vọng được sống với cha là anh Nguyễn Thanh Tr sau khi ba mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh Tr có địa chỉ tại số Số 266, Tổ 5, ấp Tân Hùng, xã T, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc chị B và anh Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn là có thật, vấn đề này đã được các đương sự thừa nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B cho rằng chị và anh Tr chung sống với nhau từ năm 1997. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân, do chị và anh Tr không có tiền nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến không thể sống chung được nên chị đã không còn sống chung với anh Tr từ năm 2018 đến nay. Do đó, chị B yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị với anh Tr. Đồng thời, tại văn bản ý kiến của anh Tr và tại biên bản hòa giải thì anh Tr cũng đồng ý theo yêu cầu của chị B.

Tuy nhiên, anh Tr cho rằng vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng chị B tự ý bỏ nhà đi và sống ly thân đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh Tr chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 nhưng anh chị không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định nên hôn nhân giữa anh chị không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa

án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 15/6/2013, hiện nay đang sống với anh Tr. Tại văn bản ý kiến và tại biên bản hòa giải thì anh Tr có yêu cầu nuôi dưỡng cháu M và đồng ý nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do chị B tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Đồng thời, tại văn bản ý kiến của cháu M có nguyện vọng được sống với ba là anh Tr. Xét yêu cầu anh Tr và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị B tại phiên tòa hôm nay là phù hợp được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh Tr thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị B và anh Tr thống nhất không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp, chị B còn phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh Tr.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 15/6/2013 cho anh Nguyễn Thanh Triều nuôi dưỡng, chị Trần Thị B phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Trà M mỗi tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 đến khi cháu Nguyễn Ngọc Trà M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị B và anh Tr thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B và anh Tr thống nhất không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007961 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Trần Thị B còn phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Thanh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Chị Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- UBND xã Mỹ Trà, TPCL
(Số 71, quyền số 01/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ

